



Tap chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững trong bối cảnh cách mạng 4.0 thích ứng biến đổi khí hậu và bài học kinh nghiệm với Việt Nam

Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Mộng Cẩm, Đinh Trần Ngọc Huyền

Khoa Luật, Trường Đại học Nam Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Thành Phương

Ngày nhận bài: 20/12/2023

Ngày phản biện: 10/1/2024

Ngày duyệt đăng: 5/2/2024

Title: Experience in developing a sustainable agricultural economy in the context of the 4.0 revolution adapting to climate change and lessons learned for Vietnam

Keywords: agricultural economics, agricultural policy, climate change, international experience

Từ khóa: biến đổi khí hậu, chính sách nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, kinh nghiệm quốc tế

ABSTRACT

After nearly 15 years of implementing the Resolution of the 7th Party Central Committee, term X on agriculture, farmers, rural areas, and the agricultural sector, the agricultural economy in Vietnam has seen positive changes. However, there are still certain limitations such as not fully exploiting applied technology in the development of the agricultural economy, the scale of agricultural production is still small and fragmented, and it is still difficult for farmers to access with funding from credit institutions. Poverty rates were reported mainly among rural residents, with over 90% of poor households nationwide in rural areas, with the majority belonging to ethnic minority and mountainous areas. This article focused on clarifying some experiences of sustainable agricultural economic development in the context of the industrial revolution and climate change adaptation in some countries such as India, China, and Thailand. Lan, Israel. At the same time, draw lessons from experience that can be implemented in Vietnam, aiming to develop a sustainable agricultural economy in the context of climate change in the current period.

TÓM TẮT

Sau gần 15 năm triển khai Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, lĩnh vực nông nghiệp, nhận thấy nền kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Dầu vậy, vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như chưa khai thác triệt để công nghệ ứng dụng trong phát triển nền kinh tế nông nghiệp, quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún, người nông dân vẫn khó tiếp cận với nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng. Tỷ

lệ đói nghèo được thống kê chính yếu thuộc cư dân nông thôn, với trên 90% hộ nghèo trên toàn quốc thuộc khu vực nông thôn, nhiều nhất thuộc về vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Lương Quốc Toàn, 2021). Bài viết tập trung làm rõ một số kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững trong bối cảnh cách mạng công nghiệp, thích ứng biến đổi khí hậu tại một số quốc gia như: Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Israel. Đồng thời đúc kết những bài học kinh nghiệm có thể triển khai xây dựng tại Việt Nam, hướng đến phát triển nền kinh tế nông nghiệp bền vững trước bối cảnh biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay.

1. GIỚI THIỆU

Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào điều kiện khí hậu, thách thức trực tiếp và lâu dài đến sản xuất nông nghiệp là tác động của biến đổi khí hậu - Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Bởi nếu mực nước biển dâng cao thêm 1m nhưng không có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu, thì khoảng 40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích Đồng bằng sông Hồng cùng 3% diện tích của các tỉnh khác thuộc vùng ven biển sẽ bị tác động bởi ngập lụt. Điều này có thể tác động đến gần 50% diện tích đất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long không còn khả năng canh tác [10]. Bên cạnh đó, theo dự báo từ các nhà khoa học các tỉnh Tây Nguyên và miền Trung sẽ bị hạn nhiều hơn; số đợt không khí lạnh, rét đậm, rét hại sẽ xuất hiện nhiều hơn ở các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ, bão lũ sẽ gây ảnh hưởng ngày thêm nặng nề trên qui mô cả nước, nguồn nước chịu ảnh hưởng do thay đổi lượng mưa; mực nước biển dâng dẫn đến thu hẹp diện tích sản xuất, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

Dù thuộc nhóm các quốc gia sản xuất nông nghiệp, nhưng năng suất lao động của nông dân Việt Nam vẫn thuộc nhóm thấp nhất châu Á. Sản

xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có tốc độ tăng năng suất lao động bình quân cao, với 5,2%/năm giai đoạn 2011-2018, cao hơn tốc độ tăng bình quân của khu vực công nghiệp và xây dựng (3%/năm) và khu vực dịch vụ (3,1%/năm), tuy nhiên khu vực này vẫn có mức năng suất lao động thấp nhất trong các khu vực kinh tế, đến năm 2018 chỉ bằng 38,9% năng suất lao động của toàn nền kinh tế, bằng 30,4% năng suất lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng, bằng 33,7% khu vực dịch vụ [13]. Nguyên nhân chủ yếu khiến năng suất lao động của ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn còn thuộc nhóm thấp tại khu vực Châu Á, bởi do quy mô sản xuất nhỏ, manh mún, trình độ chuyên môn và tính chuyên nghiệp của nông dân còn hạn chế..., Sản xuất qui mô nhỏ thể hiện qua góc độ diện tích canh tác bình quân dao động từ 0,2 đến 2 ha/hộ và chỉ đạt 0,34 ha/lao động. Kết quả khảo sát về qui mô sử dụng đất của nông hộ qua thời gian 10 năm, 2006-2016, cho thấy quy mô đất nhỏ, thay đổi ít, số hộ không trực tiếp sử dụng đất tăng từ 18,23% lên 21,38%, số hộ sử dụng từ 0,2 đến dưới 0,5 ha giảm từ 32,29% xuống còn 27,11%, số hộ có qui mô diện tích đất nông nghiệp dưới 0,2 ha chỉ tăng từ 21,17% lên 22,49%, số hộ có qui mô đất nông nghiệp từ 0,5 đến dưới 1 ha tăng chỉ từ 16,44% lên 16,75%; chỉ

có khoảng 5% hộ nông dân có qui mô ruộng đất trên 3 ha,... [4]. Diện tích bình quân đất nông nghiệp/người của Việt Nam tiếp tục giảm và ở mức thấp của thế giới, năm 2016 vẫn còn hơn 50% hộ có diện tích nhỏ hơn 0.5ha; điều đó đã và đang tác động trực tiếp đến những hạn chế trong việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, khai thác lợi thế theo quy mô, cũng như việc triển khai ứng dụng các mô hình nông nghiệp tiên tiến [14]. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng việc diện tích canh tác nhỏ lẻ khiến cho tăng trưởng trong khu vực nông nghiệp bị hạn chế. Từ vấn đề trên, việc tham khảo kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp từ các quốc gia trên thế giới sẽ là tiền đề thúc đẩy phát triển nền kinh tế ở Việt Nam nói chung và kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam nói riêng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, tác giả vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhằm nghiên cứu vấn đề trong trạng thái vận động, biến đổi không ngừng và đặt trong mối quan hệ tổng thể, tác động qua lại giữa hiện tượng cần nghiên cứu với các hiện tượng khác. Hơn nữa, đối tượng nghiên cứu được xem xét, đánh giá trong trạng thái “động”..., làm cho vấn đề nghiên cứu phong phú, đa dạng, vừa truyền thống, vừa hiện đại. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp phân tích: Phương pháp được triển khai sử dụng xuyên suốt trong tổng thể bài viết, khi triển khai đánh giá cơ chế phát triển kinh tế nông nghiệp tại một số quốc gia và Việt Nam.

- Phương pháp thống kê, tổng hợp: Phương pháp này được tác giả sử dụng nhằm thống kê, tổng hợp các tài liệu quan trọng, cần thiết, liên quan trực tiếp đến phạm vi nghiên cứu đề tài. Đơn

cứ: tổng hợp kinh nghiệm tại một số quốc gia, đưa ra số liệu đối sánh để thấy rõ sự phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp ở một số quốc gia phát triển.

- Phương pháp so sánh luật học: Trong nội dung nhóm tác giả đã tiến hành sử dụng phương pháp nghiên cứu này ở các nội dung có liên quan đến so sánh thể chế, chính sách pháp luật phát triển kinh tế giữa các quốc gia. Từ đó, có góc nhìn, đánh giá khách quan các vấn đề đã phân tích. Trên cơ sở phương pháp này, sẽ là kinh nghiệm đúc kết làm tiền đề kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện pháp luật tại nội dung có liên quan kiến nghị và đề xuất.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kinh nghiệm từ Ấn Độ

Với dân số đứng thứ 2 trên thế giới, Ấn Độ luôn đặt ra nhiệm vụ của quốc gia là bảo đảm an ninh lương thực. Để thực hiện nhiệm vụ này, Ấn Độ đã thúc đẩy gia tăng sản lượng lương thực, kể từ năm 1963 bắt đầu tiến hành triển khai cuộc “cách mạng xanh”. Một số vấn đề trọng tâm trong cuộc cách mạng này là:

Thứ nhất, đầu tư nghiên cứu lai tạo các giống lúa có khả năng thích ứng cao, cải tạo hệ thống đê điều, tìm kiếm nhập khẩu nguồn phân bón đảm bảo chất lượng. Với những nỗ lực của quốc gia đã giúp Ấn Độ từ nhóm quốc gia có tỷ trọng nhập khẩu lương thực nhiều nhất thế giới, đã vươn lên thuộc nhóm xuất khẩu lương thực thứ 2 thế giới. Trong những năm 1970, Ấn Độ tiếp tục triển khai cuộc “cách mạng trắng” thông qua đẩy mạnh xây dựng trang trại, cải tạo và chăm sóc đồng cỏ và nhập nhiều giống bò sữa chất lượng cao. Nhằm bảo hộ sản phẩm thức uống là sữa bò tại thị trường nội địa, Chính phủ đã thông qua việc điều chỉnh thuế nhập khẩu với các mặt hàng có nguồn gốc từ sữa bò, đồng thời cũng có sự siết chặt trong

khâu cấp phép nhập khẩu với những mặt hàng có nguồn gốc từ sữa bò. Từ đó, Ấn Độ trở thành một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu sữa bò hàng đầu trên thế giới.

Thứ hai, định hướng tăng cường đẩy mạnh áp dụng công nghệ, kỹ thuật canh tác mới ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Ở giai đoạn này Ấn Độ có sự tuyển chọn có hệ thống những giống cây trồng có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, chống được dịch bệnh. Đồng thời, để giảm thiểu thiệt hại sau khi thu hoạch, chính phủ đã đầu tư xây dựng các kho bảo quản lạnh, mỗi kho có thể tích trữ 1,2 triệu tấn, với phí duy trì 16 tỷ đô/năm cho các biện pháp bảo vệ nông sản, điều này giúp bảo đảm lương thực cho quốc gia trong những điều kiện khắc nghiệt không thể tiến hành sản xuất bởi tác động của khí hậu.

Một trong những chính sách trong cuộc các mạng lần thứ hai đó là cải tạo, tránh tình trạng đất bị hoang hóa, tiến hành khẩn hoang với diện tích đất chưa được đưa vào sử dụng, để hoàn thành mục tiêu này chính phủ đã đầu tư 10 triệu đô la cho công tác triển khai kế hoạch. Hướng đến đẩy mạnh sản xuất trong bối cảnh biến đổi khí hậu, Ấn Độ đã thành lập các Trung tâm dự báo mùa màng quốc gia, nhiệm vụ chính yếu là tiên lượng những trở ngại có thể gặp phải nếu canh tác một loại cây trồng nào đó. Theo đó, sẽ đưa ra một số khuyến nghị canh tác giống (loại) cây này, thay vì cây kia tại thời điểm mùa vụ nào đó. Một trong những chính sách Ấn Độ triển khai là chương trình: “Quốc gia về bảo hiểm nông nghiệp”, trong giai đoạn đầu chương trình sẽ được áp dụng bắt buộc với hầu hết đối tượng là nông dân khi tiến hành vay vốn với mục đích sản xuất nông nghiệp. Theo đó, tỷ lệ phí tham gia bảo hiểm từ 1.5-3%/tổng vốn vay khi nông dân có mục đích canh tác nhóm cây lương thực, cây lấy dầu, các gói bảo

hiểm nông nghiệp phần lớn sẽ tập trung vào trường hợp biến đổi khí hậu dẫn đến tình trạng mất mùa, không thể thu hoạch. Định mức bồi thường với các loại cây trồng sẽ tương ứng từ 60-90% dựa trên sản lượng của cây trồng đó tại thời điểm năm liền kề trước đó [2].

Thứ ba, để thúc đẩy các chính sách này tại khu vực nông thôn, Ấn Độ đẩy mạnh thành lập các ngân hàng chính sách xã hội tại khu vực nông thôn, tính đến năm 2004 đã có 32.178 chi nhánh ở khu vực này, chiếm 47.8% tổng số ngân hàng trên toàn quốc [15]. Từ năm 2000, Ấn Độ triển khai cải cách kinh tế toàn diện lần thứ hai; đặt ra mức tăng trưởng trung bình 4%/năm. Theo đó, để đạt được mục tiêu này cần hoàn thiện các chính sách điều chỉnh về nông nghiệp như tháo gỡ những rào cản về thương mại, trước yêu cầu trên Chính phủ đã ban hành Luật hàng hóa thiết yếu, đạo luật này chính thức xóa bỏ những giới hạn trước đây như: cho phép vận chuyển, trao đổi nông sản giữa các bang, dỡ bỏ những hạn chế với hợp tác xã ở khu vực nông thôn,...ban hành những nghị định hướng dẫn thành lập các khu nghiên cứu phục vụ cho nông nghiệp, về chức năng các khu nghiên cứu này đã cho ra đời các giống cây trồng biến đổi gen, kháng được thuốc diệt cỏ,...Thông qua những chính sách trên Ấn Độ đã giải quyết gần như triệt để nạn đói trên toàn quốc, đồng thời Ấn Độ trở thành quốc gia sản xuất lúa gạo, sữa đứng thứ nhất thế giới, đứng thứ hai về sản xuất mía đường, hoa quả; đứng thứ ba về thuốc lá và thứ 6 về cà và cà phê,... Theo ngân hàng thế giới Ấn Độ sẽ tăng trưởng ở mức 7.3% trong giai đoạn 2018-2019, trong năm 2019-2020 mức tăng trưởng 7.5%, Ấn Độ trở thành quốc gia có sự tăng trưởng nhanh nhất thế giới, bao hàm kinh tế nông nghiệp [6].

3.2 Kinh nghiệm của Trung Quốc

Với tôn chỉ quốc gia không thể lớn mạnh nếu người nông dân không giàu. Chính phủ Trung Quốc đã đẩy mạnh đầu tư 3000 tỷ nhân dân tệ trong giai đoạn năm 2016-2020, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiện đại. Giai đoạn Trung Quốc chính thức gia nhập WTO đánh dấu một bước ngoặt lớn trong cải tổ nền kinh tế nông nghiệp của quốc gia như:

Thứ nhất, chính thức tiến hành cải cách các chính sách liên quan đến thuế tại khu vực nông thôn vào năm 2000, với những cải cách này thì rất nhiều khoản thuế tại khu vực nông thôn đã bị loại bỏ. Theo đó, chỉ giữ lại 3 loại thuế và phí đó cơ bản: (i) Thuế nông nghiệp, (ii) phí hành chính, (iii) phí thực hiện các công việc chung. Ngoài ra, trong giai đoạn năm 2004 bước đầu thí điểm giảm thuế cho một số khu vực nông thôn và loại bỏ thuế hoàn toàn với khu vực đông bắc, cùng 10 tỉnh thành được khoan định thuộc phạm vi trọng điểm phát triển kinh tế nông nghiệp. Điều này đã dẫn đến việc thiếu hụt nguồn thu ngân sách tại một số địa phương, để giải quyết vấn đề này Trung ương đã quyết định các khoản chi bù đắp cho các khoản thiếu hụt này. Ngoài ra, để đáp ứng đủ lương thực cho quốc gia, cũng như tiến hành xuất khẩu, Trung Quốc dần thu hẹp các mô hình kinh doanh nhỏ lẻ trong lĩnh vực nông nghiệp, bởi cho rằng các mô hình này tốn nhiều nhân lực nhưng chưa đáp ứng những kỳ vọng đã đề ra, để hoàn thành mục tiêu cải cách nền kinh tế nông nghiệp, đòi hỏi từng bước mở rộng kinh doanh nông nghiệp có quy mô lớn về vốn, lẫn kỹ thuật. Bởi các mô hình này sẽ thay đổi cơ cấu nông nghiệp của quốc gia [7].

Thứ hai, triển khai thành lập các quỹ về rủi ro lương thực, theo đó đối tượng được nhận hỗ trợ chính thức là nông dân. Nguồn quỹ này tập trung hỗ trợ cho nông nghiệp vào 3 nhóm vấn đề chính

yếu: (i) hỗ trợ trực tiếp với người trồng cây lương thực; (ii) hỗ trợ nhân rộng giống cây trồng được lai tạo có năng suất cao; (iii) hỗ trợ máy móc, công cụ phục vụ canh tác nông nghiệp có quy mô lớn. Trong đó, khoản hỗ trợ lớn nhất là hỗ trợ trực tiếp cho nông dân, giai đoạn năm 2004-2006 chính phủ đã chi 11.6000 NDT. Đồng thời, cũng ban hành các đạo luật điều chỉnh trực tiếp đến nông nghiệp và quản lý đất đai nhằm phục vụ cho quá trình đổi mới nền nông nghiệp. Theo đó, năm 1994 Luật Bảo vệ đất nông nghiệp cơ bản đã ra đời, qua đây xác định diện tích đất nông nghiệp cần được bảo vệ vĩnh cửu, không cho phép chuyển đổi phục vụ cho các mục đích khác, giai đoạn năm 1999 chính phủ tiếp tục ban hành Luật quản lý hành chính về đất đai hướng đến quản lý một cách chặt chẽ, có hệ thống diện tích đất nông nghiệp hoang hóa, chưa được đưa vào sử dụng [12].

Thứ ba, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, ban hành nhiều đạo luật thúc đẩy thị trường bảo hiểm nông nghiệp phát triển. Từ giai đoạn 1990 Trung Quốc đã tập trung phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao. Theo đó, đã phát triển được 405 khu công nghệ cao vào năm 1998-2006. Trong đó, một khu cấp quốc gia, 42 khu cấp tỉnh, cùng 362 khu cấp thành phố. Các khu này đóng góp trên 40% giá trị gia tăng sản xuất nông nghiệp [11]. Bên cạnh đó, với các nông hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp sẽ được miễn học phí, từ năm 2006 với các hộ nông dân nghèo có con đang trong độ tuổi học tập sẽ được phát miễn phí sách giáo khoa, phụ cấp tiền, chi phí ăn ở tại trường bán trú. Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính phải dành ra một số vốn nhất định dành cho phát triển kinh tế nông thôn, với các nông hộ thuộc diện nghèo, có con em đang học tập. Đáng chú ý, kể từ giai đoạn năm 2015 Trung Quốc tiến hành

triển khai chính sách “3 hỗ trợ” bao hàm: hỗ trợ thực phẩm; hỗ trợ nông nghiệp toàn diện; hỗ trợ giống. Kết hợp tổng thể các yếu tố này sẽ cấu thành chính sách: “hỗ trợ và bảo trợ nông nghiệp” [4].

3.3 Kinh nghiệm của Thái Lan

Trong khuôn khổ chương trình tái cơ cấu nông nghiệp tại Thái Lan, chính phủ đã đề ra chính sách giảm sản lượng gạo, giảm canh tác lúa gạo ở các vụ mùa, khuyến khích trồng các loại cây trồng khác. Đây thuộc phạm vi chiến lược lương thực quốc gia, giảm diện tích trồng lúa, gia tăng sản xuất rau quả. Về mặt chiến lược, chính sách này sẽ giúp giữ giá lúa bình ổn, tránh trường hợp sản lượng gạo tăng vọt nhưng thị trường có nhiều biến động. Điềm qua những chính sách nhằm tái cơ cấu nền kinh tế nông nghiệp tại Thái Lan có thể nhận thấy một số chính sách mang tính ưu việt như:

Thứ nhất, chính sách trợ giá với mặt hàng là nông sản; tăng cường bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân. Ngoài các chính sách tài chính như trên, các khoản thuế nông nghiệp dần được bãi bỏ, để giải quyết đầu ra cho nông sản sau thu hoạch hoặc đã chế biến, chính phủ tiến hành tiếp thị các sản phẩm nội địa ra thị trường thế giới thông qua hình thức hợp đồng “chính phủ với chính phủ”. Mặt khác, việc tiến cải cách kinh tế nông nghiệp sẽ được triển khai trên nền tảng thống nhất giữa các chính sách, đồng bộ thực thi giữa các cơ quan ban ngành trong quản lý, canh tác, sản xuất, bao tiêu sản phẩm, điều này hạn chế thấp nhất những rủi ro trong sản xuất với nông dân. Nắm bắt nhu cầu của từng quốc gia, chính phủ đã ban hành các chính sách đề ra định hướng canh tác phù hợp với mỗi quốc gia tiềm năng. Bên cạnh đó, chính phủ Thái Lan đã tiến hành hỗ trợ về giá cho mặt hàng trái cây mang tính chủ lực,

có tính cạnh tranh như: sầu riêng, nhãn, vải, măng cụt, chôm chôm. Hướng đến đảm bảo đầu ra, chính phủ đã ban hành các chính sách, được triển khai thực hiện bởi đội ngũ chuyên viên giám sát chặt chẽ từ khâu sản xuất, phân phối, chế biến, giá cả, củng cố và tìm thị trường xuất khẩu mới. Với đối tượng sản xuất lương thực như lúa, gạo..., sẽ được nhận ưu đãi với giá thấp khi có sự trợ giá từ chính phủ, đồng thời được miễn phí vận chuyển đến nơi canh tác, được tài trợ trồng thí điểm các giống mới, được vay vốn có lãi xuất thấp từ ngân hàng nông nghiệp [3].

Thứ hai, để tránh sự trùng lặp trong canh tác, dẫn đến giá trị sản phẩm bị giảm sút, chính phủ đã điều tiết vấn đề này thông qua chương trình “mỗi làng một sản phẩm” (one tambo, One product- OTOP), thực hiện theo chương trình này, mỗi làng sẽ phải tuân thủ tập trung sản xuất một mặt hàng tiêu biểu dựa trên thế mạnh của vùng. Để triển khai đồng bộ chương trình, mỗi làng sẽ được cấp kinh phí với 1 triệu bath được gọi là “quỹ làng” (Village Fund Proram). Kinh phí này được chính phủ cho vay không lãi suất, với mục đích phát triển kinh tế- xã hội trong phạm vi làng xã. Thống kê cho thấy đã có hơn 75.000 ngôi làng tại Thái Lan nhận được khoản vay này [4],[9]. Ngoài ra, Thái Lan đã triển khai thành lập các mô hình trang trại thông minh, áp dụng công nghệ điện tử, công nghệ thông tin vào ứng dụng nhằm gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Mô hình này tập trung vào các sản phẩm chính yếu của quốc gia như: lúa mỳ, sắn, cao su, mía đường.

3.4 Kinh nghiệm của Israel

Là một quốc gia thuộc khu vực Trung Đông, mang đặc tính khí hậu cận nhiệt đới, với diện tích khoảng 20.000 km², nhưng có đến hơn 50% diện tích là sa mạc. Dù rằng, dân số làm nông nghiệp

chiếm khoảng 2.5% nhưng thuộc nhóm xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới, với khoảng 3 tỷ USD. Sau hơn 70 năm thành lập, sản lượng sản xuất nông nghiệp có mức tăng trưởng gấp 15 lần, cao gấp 3 lần so với mức tăng trưởng dân số. Trở thành quốc gia xuất khẩu hải sản tươi sống lớn trên thế giới, đồng thời cũng là quốc gia trong nhóm đứng đầu về kỹ thuật ứng dụng phát triển nền kinh tế nông nghiệp. Để đạt được những thành tựu này Chính phủ đã triển khai các biện pháp cụ thể như:

Thứ nhất, chú trọng chuyển đổi chuyển đổi sản xuất truyền thống sang hình thức canh tác áp dụng công nghệ tiên tiến, theo xu hướng cắt giảm nhân công, giảm thiểu lượng nước sử dụng thông qua công nghệ tưới nước nhỏ giọt, bởi đặc tính thiếu nguồn nước canh tác, quốc gia này đã triển khai ứng dụng công nghệ Tal-Ya, công nghệ này cho phép thu thập nguồn nước từ sương, hơi nước trong không khí theo phương thức tích tụ cung cấp nước cho cây, với đặc điểm này sẽ giảm thiểu khoảng 50% lượng nước tưới cho cây trồng. Bên cạnh đó, hướng đến giảm lưu lượng hóa chất phục vụ sản xuất nông nghiệp, các nhà khoa học đã tiến hành lai tạo ra các nhóm côn trùng có ích giúp kiểm soát sâu bệnh, tuân theo nguyên lý sinh thái học tự nhiên, để thực hiện điều này công ty chuyển giao công nghệ thuộc trường Đại học Hebrew hợp tác cùng Makhteshim tiến hành nghiên cứu loại thuốc diệt cỏ có tính năng chậm phát tán vào trong đất, hoặc loại thuốc trừ sâu không gây tổn hại cho các loại côn trùng hữu ích. Ngoài ra, bởi quốc gia này đẩy mạnh trồng trọt theo xu thế nhà kính, nên các nhà khoa học cũng đã lai tạo các giống côn trùng chuyên biệt như những giống ong, có thể thụ phấn trong môi trường nhà kính [5]. Để đạt được mục tiêu này, nhà nước đã đầu tư phát triển nông nghiệp sáng

tạo và CNC, trong đó mỗi năm các chi phí có liên quan đến nghiên cứu và phát triển nông nghiệp chiếm khoảng 17% ngân sách nhà nước.

Thứ hai, về công tác quản lý liên quan đến phát triển nông nghiệp sẽ được giao về cho Bộ nông nghiệp, cơ quan này có trách nhiệm duy trì các tiêu chuẩn về sức khỏe của động thực vật; tổ chức và duy trì hoạt động của các cơ quan tham gia giám sát an toàn thực phẩm khi nhập khẩu vào quốc gia này. Các cơ quan này bao gồm: Viện tiêu chuẩn của Israel (SII), Cơ quan thú y và dịch vụ về thú y (JVAHS); cơ quan dịch vụ bảo vệ và kiểm tra thực vật (PPIS) và FCS thuộc bộ phận thuộc Bộ y tế. Giai đoạn năm 2016 nhằm thực hiện các cam kết trong các hiệp định tự do về thương mại, chính phủ buộc phải giảm thuế với các mặt hàng nông sản nhập khẩu. Điều này dẫn đến nông sản trong nước có sự cạnh tranh cùng mặt hàng xuất khẩu, nắm bắt được những khó khăn này, Chính phủ đã chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho nông dân. Israel đã triển khai xây dựng những chính sách đồng bộ gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nông nghiệp và ứng dụng công nghệ. Tại quốc gia này nông nghiệp sẽ đan xen cùng hình thức du lịch, điều này giúp cho nông dân có thêm nguồn thu nhập ngoài hoạt động chăn nuôi, trồng trọt. Điểm nổi bật của quốc gia trong phát triển kinh tế nông nghiệp nằm ở phương diện đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ một cách có trọng tâm, khi đầu tư phát triển công nghệ nhà kính cho ngành trồng trọt, có thể áp dụng kỹ thuật này cho cả ngành chăn nuôi gia cầm, lã nuôi trồng hải sản cao trên sa mạc [15].

Thứ ba, triển khai phát triển kinh tế nông nghiệp dựa trên mối quan hệ liên kết giữa “5 nhà”. Theo đó, thiết định xây dựng nền kinh tế nông nghiệp “5 nhà” bao gồm: (i) Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo chung, (ii) Nhà tư vấn sẽ tìm hiểu

thị trường, đưa ra những ý tưởng phát triển kinh tế nông nghiệp, (iii) các nhà nghiên cứu dựa trên ý tưởng sẽ đưa ra những biện pháp tối ưu nhất triển khai các ý tưởng này, (iv) công ty là đơn vị tổ chức triển khai các ý tưởng, đồng thời chịu trách nhiệm giao thương với thị trường thế giới, (v) nông dân là đối tượng trực tiếp sản xuất dựa trên ý tưởng. Có thể nhận thấy một trong những điểm đột phá trong xây dựng và phát triển nền kinh tế nông nghiệp tại Israel còn có sự tham gia “nhà tư vấn”, đây được nhận định thuộc nhóm đối tượng có vai trò định hướng nhu cầu thị trường, cũng như xúc tiến phân phối các sản phẩm nông sản của quốc gia tiếp cận đến với nhu cầu của thế giới [1].

3.5 Bài học rút ra trong phát triển kinh tế nông nghiệp tại Việt Nam giữa bối cảnh biến đổi khí hậu

Từ những thành công của một số quốc gia trên thế giới trong việc cơ cấu, thúc đẩy phát triển nền kinh tế nông nghiệp trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, nền nông nghiệp gặp nhiều khó khăn bởi biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn cầu, Việt Nam có tham khảo một số kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp ở những phương diện tích cực sau đây:

Thứ nhất, với kinh nghiệm từ Ấn Độ để giảm thiểu vấn đề thiệt hại sau thu hoạch, cũng như đảm bảo an ninh lương thực, bình ổn giá trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, Việt Nam có thể tiến hành triển khai xây dựng các kho bảo quản lạnh nhằm tích trữ nông sản. Đồng thời, đề ra những biện pháp cải tạo với diện tích đất bạc màu, hoang hóa, cũng như đầu tư kinh phí cải tạo với diện tích đất này. Dù rằng tại Việt Nam đã có những chế tài về xử phạt vi phạm hành chính với hành vi bỏ hoang đất tại Nghị định 91/2019/NĐ-CP, nhưng chung quy lại vẫn chưa có những biện

pháp đầu tư cải tạo, xác định trọng điểm đặc tính của vùng để phát triển các loại nông sản gắn liền với địa phương. Bên cạnh đó, nước ta vẫn chưa thể triển khai Trung tâm dự báo mùa màng quốc gia, điều này có thể dự liệu được tính rủi ro khi tiến hành canh tác trong bối cảnh hiện nay hoặc giả chưa triển khai các gói bảo hiểm về nông nghiệp, điều này sẽ giảm thiểu những thiệt hại có thể gặp phải nếu triển khai đầu tư phát triển nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Thứ hai, trong bối cảnh ĐBSCL chịu nhiều tác động bởi biến đổi khí hậu, nước ngọt dần trở nên khan hiếm bởi hiện tượng xâm nhập mặn. Qua đây, việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ “tưới nhỏ giọt” tận dụng lượng nước từ giọt sương, hay ẩm độ trong không khí phục vụ cho tưới tiêu như Israel là điều cần thiết hoặc xây dựng công nghệ nhà kính là vấn đề cần nhắc có thể triển khai. Bên cạnh đó, để giải quyết vấn đề “được mùa nhưng lại mất giá” như nước ta hiện nay, thiết nghĩ cần thiết lập triển khai xây dựng phát triển kinh tế nông nghiệp dựa trên nền tảng phối hợp giữa “các nhà” với nhau. Theo đó, cần có sự tham vấn từ “nhà tư vấn” đây là kinh nghiệm quý giá từ Israel, khi nhà tư vấn sẽ có chức năng tham vấn kinh nghiệm canh tác, đề xuất ý tưởng cải tiến chất lượng, xây dựng mô hình canh tác. Đây cũng đồng thời sẽ là một trong những chủ thể đóng vai trò xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm nông sản tiếp cận đến các thị trường có nhu cầu dựa trên ý tưởng ban đầu đã đề ra [5].

Thứ ba, với kinh nghiệm từ Trung Quốc trong thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nhận thấy rằng có một số đặc điểm có thể cân nhắc học hỏi như: (i) loại bỏ nhiều loại thuế khác nhau liên quan đến nông nghiệp, (ii) hỗ trợ vốn, kỹ thuật, giống cây trồng trực tiếp cho đối tượng là nông dân, (iii) ban hành các đạo luật như Luật Bảo vệ

đất nông nghiệp cơ bản như ở Trung Quốc, dù rằng ở Việt Nam đã thiết lập những cơ chế bảo vệ đất nông nghiệp, nhưng chung quy lại vẫn nằm tăn mác hoặc tồn tại trong những văn bản dưới luật. Do đó, những quy định liên quan đến trồng trọt, đất nông nghiệp vẫn chưa được khái quát một cách thống nhất và trọn vẹn, (iv) đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao, cùng thị trường bảo hiểm nông nghiệp, (v) đề ra chính sách hỗ trợ với đối tượng là con em nông dân đang canh tác nông nghiệp có hoàn cảnh khó khăn.

Thứ tư, với kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp tại Thái Lan nhận thấy chính phủ đã có những hoạch định sản xuất luân canh với đất trồng lúa, thay vì chuyên canh như trước đây. Cũng giống kinh nghiệm tại một số quốc gia khác, Chính phủ Thái Lan cũng có những chính sách trợ giá cho nông sản, ưu đãi về vốn, cũng như tăng cường bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân. Đáng chú ý, chính phủ sẽ hỗ trợ về giá cho nông dân canh tác các loại trái cây mang tính chủ lực; hướng đến đảm bảo đầu ra, chính phủ đã ban hành các chính sách, được triển khai thực hiện bởi đội ngũ chuyên viên giám sát chặt chẽ từ khâu sản xuất, phân phối, chế biến, giá cả, củng cố và tìm thị trường xuất khẩu mới. Với đối tượng sản xuất lương thực như lúa, gạo..., sẽ được nhận ưu đãi mua phân bón giá thấp, miễn phí vận chuyển đến nơi sản xuất, được trải nghiệm các giống mới có năng suất cao, được vay vốn có lãi suất thấp từ ngân hàng nông nghiệp. Đặc biệt, để tránh sự trùng lặp, tình trạng cung vượt cầu, chính phủ đã triển khai thực hiện chương trình “mỗi làng một sản phẩm” (one tambo, One product- OTOP), theo đó mỗi làng chỉ tập trung sản xuất một mặt hàng tiêu biểu dựa trên thế mạnh của vùng, phát triển các chương trình “quỹ làng” (Village Fund Proram. Theo đó, mỗi làng sẽ nhận được 1 triệu

bath từ chính phủ cho vay với mục đích phát triển kinh tế- xã hội trong phạm vi làng xã. Thống kê cho thấy đã có hơn 75.000 ngôi làng tại Thái Lan nhận được khoản vay này [4].

4. KẾT LUẬN

Đảng và Nhà nước ta đã sớm nhận thức được tầm quan trọng của phát triển bền vững, đưa quan điểm phát triển bền vững vào các nghị quyết và chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn tồn tại những khó khăn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cơ cấu nông nghiệp, nông thôn như tình trạng “được mùa rớt giá” vẫn còn xảy ra. Số lượng và giá nông sản xuất khẩu không ổn định; thu nhập bình quân của người nông dân thấp hơn đáng kể so với lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp chiếm khoảng 47% số lao động, nhưng chỉ đóng góp 19% giá trị vào tổng sản phẩm nội địa, tức là năng suất lao động hay thu nhập bình quân của người nông dân chưa bằng 1/3 thu nhập bình quân của người lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Ngoài ra, nông dân vẫn khó tiếp cận vốn đầu tư dù đã có những chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Những bất cập trong nền nông nghiệp nước ta, xét dưới góc độ kinh tế chính trị học, nguyên nhân cơ bản nhất là do sự không tương thích của quan hệ sản xuất và tổ chức sản xuất trong nông nghiệp với điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay. Nhận thức về xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp chưa đúng tầm. Đa số người dân chưa thực sự chủ động, làm chủ, thiếu quyết tâm trong tham gia tái cơ cấu phát triển nông nghiệp. Đa số hộ nông dân - những đơn vị sản xuất cơ bản trong nông nghiệp - có tiềm lực kinh tế rất nhỏ, sản xuất đơn lẻ và thiếu khả năng tương thích với kinh tế thị trường và hội nhập

quốc tế. Từ vấn đề trên đổi mới cơ cấu nông nghiệp là vấn đề cần được đặt ra, việc tham khảo các kinh nghiệm phát triển kinh tế nông nghiệp tại các quốc gia đã có những mô hình nông nghiệp thành công trên thế giới sẽ là tiền đề giúp Việt Nam thay đổi cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] An Như Hải (2018), Kinh nghiệm đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Israel và bài học đối với Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương*, tháng 12.
- [2] Fund, I.J.A., & Little, I.M.D. (2012), India's Economic Reform and Development. *Essay for anmohan Singh, Second Edition*.
- [3] Lương Quốc Đoàn (2020), *Khơi dậy khát vọng vươn lên và phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/823976/khoi-day-khat-vong-vuon-len-va-phat-huy-vai-tro-chu-the-cua-giai-cap-nong-dan-trong-phat-trien-nong-nghiep%2C-kinh-te-nong-thon-va-xay-dung-nong-thon-moi.aspx>. Truy cập ngày 20/12/2022.
- [4] Nguyễn Thị Tú (2017). Kinh nghiệm về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc, Thái Lan và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế-Châu Á Thái Bình Dương*, tháng 4 (2017).
- [5] Nguyễn Thị Hoàng, Ngô Văn Quyến (2015). Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp dưới tác động của biến đổi khí hậu và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, số 14 (5/2015).
- [6] Nguyễn Đức Chính (2017). Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. *Tạp chí Giáo dục Lý luận*, số 262 (6).
- [7] Ngô Thị Thu Hà (2017). Bài học với Việt Nam nhìn từ thực tế chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với biến đổi khí hậu của một số quốc gia. *Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương*, tháng 9.
- [8] Perkin, D. H., Radelet, S., Lindauer, D. L., & Block, S. A. (2013). *Economic of Development (7th edition)*. W. W. Norton & Company, New York.
- [9] Nguyễn Thị Ánh (2020), *Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững ở nước ta*, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/819844/phat-trien-nong-nghiep%2C-nong-thon-ben-vung-o-nuoc-ta.aspx>. Truy cập ngày 22/2/2023.
- [10] Quyền Đình Hà (2017), *Báo cáo tóm tắt đề tài cấp Bộ: Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp khuyến khích chế biến sâu một số nông sản chủ lực của Việt Nam (lúa gạo, cao su, cá tra)*. Đề tài Nghiên cứu Khoa học công nghệ cấp Bộ, Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- [11] Trần Thanh Tùng (2020). Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiện đại của một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho vùng Đồng bằng Sông Hồng. *Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương*, tháng 3/2020.
- [12] Trịnh Anh Tuấn (2017). Chính sách phát triển nông nghiệp của Hoa Kỳ và một số nước trên thế giới: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Châu Mỹ Ngày Nay*, số 2.
- [13] Tùng Đình (2020). Ngành nông nghiệp chắc chắn xuất khẩu đạt trên 40 tỷ USD. *Báo Nông nghiệp Việt Nam*, ngày 06/10/2020.

- [14] Trần Đức Viên (2020), *Nông nghiệp Việt Nam: Những vấn đề tồn tại*, <https://www.vnua.edu.vn/tin-tuc-su-kien/nguyen-cuu-khoa-hoc/nong-nghiep-viet-nam-nhung-van-de-ton-tai-51105>. Truy cập ngày 21/2/2023.
- [15] Vũ Trọng Hùng, Quách Thị Huệ (2019). *Kinh tế nông nghiệp Ấn Độ- Kinh nghiệm cho Việt Nam và triển vọng hợp tác giữa hai nước*. *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 5.
- [16] World Bank. (2010). *Vietnam - Economics of adaptation to climate change*. Washington, DC: *World Bank*. <http://documents.worldbank.org/curated/en/2010/01/16441103/vietnam-economics-adaptation-climatechange>. Truy cập ngày 23/9/2020.